

Số: 45 /2017/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀO CAI	
ĐẾN Số:	Ngày:
Sao: LP, CAC, P, AV.	
Gốc: BLH	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 93 /TTr-SKHCN ngày 06 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách
nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12
năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Bao gồm:

- a) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- b) Đề tài KH&CN cấp tỉnh;
- c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- d) Dự án KH&CN cấp tỉnh;
- đ) Chương trình KH&CN cấp tỉnh;
- e) Đề tài KH&CN cấp cơ sở;
- g) Dự án KH&CN cấp cơ sở.

2. Những nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với nhiệm vụ KH&CN không quy định trong Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý các nhiệm vụ KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nhiệm vụ KH&CN của các tổ chức, cá nhân thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai không sử dụng ngân sách nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý theo Quy định này để đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở* là Phòng (ban, bộ phận) có chức năng theo dõi, quản lý hoạt động KH&CN thuộc các Sở, Ban,

Ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện/thành phố, các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. *Đơn vị cấp cơ sở* là các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện/thành phố, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. *Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở* là Chủ tịch UBND các huyện/thành phố; người đứng đầu các Sở, Ban, Ngành, các tổ chức, đơn vị.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Mục 1

ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 4. Căn cứ xây dựng đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Chủ trương, Nghị quyết, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh.
2. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
3. Những vấn đề KH&CN cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng của Tỉnh hoặc nhiệm vụ đặc biệt phát sinh theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên của tỉnh.

Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra.
2. Đáp ứng các tiêu chí sau:
 - a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
 - b) Giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh;
 - c) Có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.
3. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Nội dung thể hiện nhiệm vụ KH&CN đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ KH&CN đặt hàng được thể hiện qua tên gọi, định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với kết quả.
2. Yêu cầu đối với kết quả bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng, chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra.

Điều 7. Trình tự xác định nhiệm vụ KH&CN đặt hàng

1. Hàng năm (trước 30/6) căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch phát triển KH&CN, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng dẫn của Bộ Khoa

học và Công nghệ và theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai về định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và tổng hợp các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN trình Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh tư vấn xác định tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ được lựa chọn.

3. Căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục nhiệm vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai danh mục này làm việc trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai và thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cấp thiết phát sinh

1. Khi phát sinh nhiệm vụ KH&CN cấp thiết do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt hàng thực hiện nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cấp thiết phát sinh phục vụ công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ khác. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp thiết phát sinh được tiến hành theo quy định ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch khoa học và công nghệ của năm. Sở Tài chính có trách nhiệm trong việc ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 9. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan, đúng quy định; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được

công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai hoặc các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp:

a) Đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Luật Khoa học và Công nghệ;

b) Giao trực tiếp được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc bí mật của tỉnh, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; nhiệm vụ KH&CN đột xuất và nhiệm vụ KH&CN mà chỉ có một tổ chức có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 10. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này):

a) Có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản tại Kho bạc hoặc Ngân hàng;

b) Có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN.

2. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau (trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này):

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

3. Các trường hợp không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp: chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trước đây, hoặc chưa nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác do mình chủ trì theo quy định, hoặc chưa hoàn

thành việc đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Có sai phạm trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm, kể từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp: vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; hoặc chưa nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định;

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 01 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do các vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN đó không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền;

d) Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định.

Điều 11. Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc rút hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình ra Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh xem xét, đánh giá.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN: vận dụng theo Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 12. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh tiến hành đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp cho từng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm cụ thể như sau:

- a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12 điểm);
- b) Nội dung, cách tiếp cận phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, nhân lực thực hiện các nội dung hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu của đề tài/Nội dung, phương án triển khai của dự án (điểm tối đa 24 điểm);
- c) Sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài/Tính mới và tính khả thi của công nghệ đối với dự án (điểm tối đa 16 điểm);
- d) Phương án chuyển giao ứng dụng và phương án tổ chức triển khai ứng dụng sản phẩm đối với đề tài/Khả năng phát triển, hiệu quả kinh tế xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 12 điểm);
- đ) Tính khả thi về kế hoạch và về kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20 điểm);
- e) Năng lực của tổ chức, cá nhân (điểm tối đa 16 điểm).

3. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm được đề nghị trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- a) Hồ sơ dự tuyển có tổng số điểm trung bình các tiêu chí cao nhất trong số các hồ sơ tham gia dự tuyển;
- b) Điểm đánh giá trung bình các tiêu chí trong hồ sơ phải đạt từ 70/100 điểm trở lên và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh có mặt cho điểm không (0 điểm).

4. Nguyên tắc xác định tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển trong trường hợp các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau:

- a) Ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn;
- b) Trường hợp các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm;
- c) Trường hợp đặc biệt, Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh thống nhất quyết định.

5. Kết quả phiên họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh được ghi chép vào sổ biên bản họp và thông báo đến cho tổ chức cá nhân.

6. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ thuyết minh theo thông báo của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

Điều 13. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ thẩm định các nội dung tài chính của nhiệm vụ KH&CN (sau đây viết tắt là Tổ thẩm định) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, gồm 03 (ba) thành viên, trong đó:

- a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ phó Tổ thẩm định là: Lãnh đạo phòng nghiệp vụ Sở Tài chính;

c) 01 (một) thành viên là Kế toán Sở Khoa học và Công nghệ;

Trường hợp cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời các đại biểu có liên quan dự và cho ý kiến trong phiên họp của Tổ thẩm định.

2. Trách nhiệm của Tổ thẩm định:

a) Thẩm định các nội dung tài chính của nhiệm vụ KH&CN sau khi được Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định và kết luận chung của Tổ thẩm định;

c) Các thành viên Tổ thẩm định và các đại biểu có liên quan (nếu có) có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

3. Kết quả thẩm định phải lập thành văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Tổ thẩm định.

Điều 14. Phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh và Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Mục 3

QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 15. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Điều 16. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo tiến độ được duyệt, mở nhật ký nghiên cứu, phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia, mở sổ theo dõi kinh phí, tổ chức nghiệm thu các sản phẩm trung gian theo tiến độ phê duyệt.

Điều 17. Điều chỉnh, thay đổi đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Các trường hợp điều chỉnh:

a) Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ

Việc điều chỉnh (gia hạn) thời gian thực hiện nhiệm vụ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

- b) Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ;
- c) Điều chỉnh nội dung nhiệm vụ;
- d) Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ;
- đ) Điều chỉnh địa điểm thực hiện;
- g) Điều chỉnh khác đối với nhiệm vụ.

2. Các trường hợp thay đổi

- a) Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Thẩm quyền điều chỉnh, thay đổi:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thay đổi về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, địa điểm, điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, nội dung, thời gian, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt;

b) Các điều chỉnh khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm Khoản 3 Điều này áp dụng các quy định tương tự tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết trên cơ sở đề xuất của Tổ chức chủ trì, trừ các nội dung quy định của điểm a khoản 3 điều này.

4. Trình tự thủ tục điều chỉnh

Trình tự, thủ tục điều chỉnh nhiệm vụ áp dụng các quy định tương tự tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 18. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các trường hợp chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- a) Nhiệm vụ đã kết thúc, được nghiệm thu và hoàn tất thủ tục theo quy định.
- b) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp:

- Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí đối ứng và các điều kiện khác để thực hiện các nhiệm vụ như đã cam kết trong Hợp đồng;

- Do sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sai mục đích.

c) Theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên tham gia ký kết Hợp đồng khi có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước thời hạn theo Hợp đồng.

d) Do sự kiện bất khả kháng.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày làm việc sau khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hoàn tất thủ tục đối với nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét ký biên bản thanh lý hợp đồng;

b) Đối với các trường hợp còn lại: Trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày nhận được quyết định đình chỉ nhiệm vụ KH&CN. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải dừng mọi hoạt động liên quan đến nhiệm vụ, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, thiết bị mua sắm gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Xử lý tài sản khi chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN

a) Khi chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định pháp luật;

b) Các sản phẩm vật chất của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 19. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Định kỳ 06 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và kinh phí đã cấp của nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký.

Điều 20. Cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo tiến độ được duyệt.

2. Quản lý, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 21. Thanh lý hợp đồng

1. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thanh lý trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy định này.

2. Việc thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua biên bản thanh lý hợp đồng, có chữ ký và con dấu của các bên liên quan theo hợp đồng đã ký.

3. Hồ sơ thanh lý hợp đồng do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn theo quy định.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 22. Nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn theo hợp đồng đã ký.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu; kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trước khi trình ra Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu: vận dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 23. Nội dung đánh giá, nghiệm thu và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Nội dung đánh giá, nghiệm thu:

a) Đánh giá, nghiệm thu về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lôgic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (nếu có) như: các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn;

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản

ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập;

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 24. Đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đánh giá của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

Các thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh căn cứ tiêu chí chấm điểm để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo 03 mức sau:

a) **“Xuất sắc”** khi tất cả các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng của sản phẩm vượt mức so với đặt hàng và báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy định này;

b) **“Đạt”** khi tất cả các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng của sản phẩm đáp ứng đúng, đủ yêu cầu so với đặt hàng và báo cáo tổng hợp cần bổ sung, chỉnh sửa và có thể hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy định này;

c) **“Không đạt”** khi không thuộc hai trường hợp trên.

2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh:

a) Mức **“Xuất sắc”** nếu nhiệm vụ có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức **“Không đạt”** nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/2 số thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh có mặt đánh giá mức “Không đạt”;

c) Mức **“Đạt”** nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

3. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi có kết quả đánh giá, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

Điều 25. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN được xếp loại ở mức “Xuất sắc” và mức “Đạt”:
Nhiệm vụ KH&CN được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và xử lý theo quy định hiện hành.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”:

a) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn trả kinh phí thực hiện nhiệm vụ vào ngân sách tỉnh theo quy định;

b) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không thực hiện việc hoàn trả kinh phí vào ngân sách nhà nước thì sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Mục 5

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH

Điều 26. Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

1. Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập, gồm 09 (chín) Ủy viên và 01 (một) thư ký hành chính:

a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh là Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

c) 02 (hai) ủy viên là ủy viên phản biện (là chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời);

d) 01 (một) ủy viên là đại diện đơn vị đặt hàng hoặc cơ quan đề xuất đặt hàng hoặc nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời;

đ) Các ủy viên khác là đại diện Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Trưởng phòng quản lý khoa học Sở Khoa học và Công nghệ (thư ký khoa học).

2. Giúp việc cho Hội đồng có 01(một) thư ký hành chính là Chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được tham gia là thành viên của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Đại diện cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 27. Nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

1. Xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh dưới các hình thức đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án KH&CN hoặc Chương trình KH&CN.

2. Tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Tư vấn đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Điều 28. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

1. Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh họp định kỳ 02 tháng/1 lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của tỉnh.

2. Phiên họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh phải có mặt ít 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh ủy quyền, ít nhất 01 (một) chuyên gia phản biện và uỷ viên thư ký khoa học.

3. Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh vắng mặt, Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì phiên họp.

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng tại phiên họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

Điều 29. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

1. Các thành viên Hội đồng, thư ký, các đại biểu tham dự họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh; thành viên Tổ thẩm định kinh phí được hưởng thù lao và chế độ theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh được lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định quản lý tài chính về khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành.

Điều 30. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh

1. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng trong xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng;

b) Gửi ý kiến đã chuẩn bị cho thư ký hành chính chậm nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

c) Các Ủy viên phản biện có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc đề xuất các nội dung mới cho nhiệm vụ KH&CN dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

2. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh trong tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

a) Gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản đối với từng hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tới thư ký hành chính của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh tối thiểu 01 ngày trước phiên họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

b) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh. Có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp;

c) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm theo các tiêu chí tại biểu mẫu quy định;

d) Chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định, nhưng đảm bảo thống nhất theo quan điểm, phương thức chấm điểm cho từng tiêu chí mà Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh thảo luận trước đó.

đ) Thảo luận để thống nhất kiến nghị:

- Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt;

- Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

- Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần;

- Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

3. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh trong nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và gửi phiếu nhận xét về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất 01 ngày làm việc trước khi tổ chức họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá;

d) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh được ủy quyền chủ trì nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ngoài trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh quy định tại Khoản 3 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

Điều 31. Trách nhiệm của thư ký

1. Trách nhiệm của ủy viên thư ký khoa học Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh:

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

b) Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời.

2. Trách nhiệm của thư ký hành chính:

a) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh;

b) Gửi tài liệu đến các thành viên Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh ít nhất 07 ngày trước ngày họp đối với các cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh định kỳ; trước 01 ngày đối với cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh đột xuất.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 32. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định:

a) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN hàng năm;

b) Phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

c) Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo thẩm quyền;

d) Phê duyệt điều chỉnh Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 17 của Quy định này;

đ) Thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

2. Chủ trì tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh xác định danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện sở, ban, ngành, địa phương sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh xác định nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh.

4. Hướng dẫn hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; Ký kết hợp đồng và thanh lý hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

6. Phối hợp với Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc các Sở, Ban, Ngành liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN.

7. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Điều 33. Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí nhiệm vụ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thẩm định, tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn kinh phí trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đôn đốc các tổ chức cá nhân tham gia trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

5. Chủ trì thanh tra, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định.

Điều 34. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

1. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh hoặc đặt hàng nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do sở, ngành, địa phương đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng tiến bộ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 35. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 10 Quy định này.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp và thực hiện đầy đủ thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và bộ, ngành, địa phương chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị nội dung điều chỉnh (trong trường hợp cần thiết) để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác.

Điều 36. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cùng với tổ chức chủ trì ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các nội dung điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu sau khi được nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 37. Yêu cầu đối với việc xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Giải quyết các vấn đề cấp thiết của đơn vị cấp cơ sở.

2. Sự cần thiết xây dựng, nhân rộng các mô hình đã thành công từ các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có tính mới, tính khoa học, tính khả thi và phục vụ cho nhu cầu phát triển của đơn vị cấp cơ sở.

4. Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp thực hiện hiệu quả, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể.

5. Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng chính sách hoặc phát triển các sản phẩm như: Giống mới,

công nghệ, quy trình, mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Điều 38. Điều kiện của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là đơn vị có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN, có đủ điều kiện về năng lực chuyên môn cần thiết cho việc triển khai nhiệm vụ KH&CN. Tổ chức chủ trì thực hiện có thể phối hợp với các cơ quan khác, các cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực chuyên môn để thực hiện nội dung nhiệm vụ.

2. Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trình độ tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên và có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực hoặc tương đương chuyên môn của nhiệm vụ đăng ký chủ trì thực hiện. Tại một thời điểm mỗi cá nhân chỉ được chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 39. Xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Vận dụng Điều 7 Quy định này, Đơn vị cấp cơ sở xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (đính kèm danh mục và biên bản họp Hội đồng) phối hợp quản lý trong quá trình thực hiện.

Điều 40. Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Đơn vị cấp cơ sở, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm vận dụng Điều 11, Điều 12 Quy định này để chuẩn bị hồ sơ và tiến hành đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 41. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Tổ thẩm định kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ra quyết định thành lập gồm 03 (ba) thành viên, trong đó:

- a) Tổ trưởng là Lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở;
- b) Tổ phó là Trưởng bộ phận quản lý tài chính thuộc đơn vị cấp cơ sở;
- c) 01 (một) thành viên là Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở hoặc thành viên phản biện của Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở tham gia xét duyệt hồ sơ tuyển chọn, giao trực tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, hoặc cán bộ có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực của nhiệm vụ thực hiện;

Trường hợp cần thiết Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể mời các đại biểu có liên quan tham dự và cho ý kiến trong phiên họp của Tổ thẩm định.

2. Trách nhiệm của Tổ thẩm định và kết quả thẩm định thực hiện theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Quy định này.

Điều 42. Phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt nhiệm vụ sau khi tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đã hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí.

2. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ.

3. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký kết hợp đồng với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 43. Quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Đơn vị cấp cơ sở, Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở vận dụng Mục 3 Chương II Quy định này để quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 44. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Đơn vị cấp cơ sở, Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở vận dụng Mục 4 Chương II Quy định này để tiến hành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 45. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm: Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có), nguồn chi thường xuyên của đơn vị cấp cơ sở.

2. Căn cứ vào kế hoạch đăng ký và triển khai hàng năm, đơn vị cấp cơ sở lập dự toán kinh phí, chi trả kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo các quy định hiện hành.

Điều 46. Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở

1. Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở do Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ra quyết định thành lập.

2. Thành phần của Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở không quá 09 (chín) thành viên.

3. Mỗi đơn vị cấp cơ sở ban hành riêng quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở.

Điều 47. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở; bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở; tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở:

a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN cấp cơ sở, Tổ thẩm định kinh phí;

b) Chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục, nội dung các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được Hội đồng xét chọn để thực hiện; phê duyệt các kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

c) Ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và giao trách nhiệm cho bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện; tổ chức nghiệm thu, công bố, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

d) Chỉ đạo bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở tổng hợp tất cả các hồ sơ của các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng kinh phí nhà nước hoặc kinh phí khác do đơn vị mình thực hiện trong năm để báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở:

a) Tổng hợp các đề cương thuyết minh, biên bản họp Hội đồng, biên bản họp thẩm định kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở để trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt;

b) Tổng hợp hồ sơ về nhiệm vụ đã được Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt đăng ký thực hiện vào năm sau gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 10 hàng năm;

c) Bộ phận quản lý KH&CN cơ sở của đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt.

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở;

b) Thực hiện các nội dung đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả thực hiện nội dung và sử dụng kinh phí;

c) Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, tiến độ thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở;

d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký;

đ) Thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về khoa học và công nghệ hiện hành.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 48. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn thực hiện Quy định này, có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện pháp luật về nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Đặng Xuân Phong